Xã: Hưng Phú
Tỉnh: Hưng Yên

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Thời điểm: tháng 10 năm 2026

Mẫu 2. PCGDTHCS

TT	Đơn vị	Huy động								Hiệu quả													Đạt hay chưa đạt PCGD THCS
		Trẻ 6 tuổi			S tốt nghiệp TH năm học vừa qu					Trẻ độ tuổi 11 - 14			HS lớp 9 năm qua (2 hệ)				Đối tượng 15 - 18 tuổi					
						Vào học lớp 6 năm học													Có bằng tốt nghiệp THCS				
		TS	Lớp 1	Tỷ lệ %	TS	PT	GDTX	Cộng	Tỷ lệ %	TS	HTCT TH	Tỷ lệ %	TS	TN THCS	TN THCS GDTX	Tỷ lệ %	TS	PT	GDTX	Cộng	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Thôn Lộc Trung	26	26	100	39	39		39	100	130	130	100	34	34		100	140	140		140	100	Đ
2	Thôn Lộc Ninh	19	19	100	25	25		25	100	97	97	100	25	25		100	98	98		98	100	Đ
3	Thôn Tân Trào	30	30	100	49	49		49	100	280	280	100	61	61		100	184	184		184	100	Đ
4	Thôn Hưng Hải	33	33	100	32	32		32	100	133	133	100	28	28		100	99	99		99	100	Đ
5	Thôn Hải Hà	28	28	100	27	27		27	100	122	122	100	24	24		100	121	120		120	99	Đ
6	Thôn Đại đồng	69	69	100	62	62		62	100	317	317	100	69	69		100	262	259		259	100	Đ·
7	Thôn Trung đồng	85	85	100	80	80		80	100	279	279	100	58	58		100	252	246		246	100	Đ·
8	Thôn Việt Trà	59	59	100	51	51		51	100	293	293	100	64	64		100	218	216		216	100	Đ·
9	Thôn Bình Định	65	65	100	64	64		64	100	288	288	100	58	58		100	230	228		228	100	Đ·
Tổng		**414**	**414**	**100**	**429**	**429**		**429**	**100**	**1.939**	**1.939**	**100**	**421**	**421**		**100**	**1.604**	**1.590**		**1.590**	**99**	**Đ**

Bảng thống kê số liệu và so sánh với tiêu chuẩn của bộ để đưa ra kết quả đánh giá đạt/chưa đạt					
Số liệu thực tế của xã			**Chỉ tiêu đánh giá đạt chuẩn của bộ làm cơ sở so sánh**		**Kết quả đánh giá đạt hay hưa đạt PCGD**
Tính các chỉ tiêu (theo tiêu chuẩn đánh giá)	**Tỉ số**	**Tỷ lệ (%)**	**Không thuộc KK, ĐBKK**	**Vùng KK, ĐBKK**	
- Tỷ lệ % trẻ 6 tuổi vào học lớp 1:	**414/414**	100	**90%**	**80%**	Đạt
- Tỷ lệ % trẻ (11-14) tuổi hoàn thành chương trình tiểu học:	**1939/1939**	100	**80%**	**70%**	Đạt
- Tỷ lệ % HS tốt nghiệp hoàn thành chương trình vào học lớp 6 (2 hệ):	**429/429**	100	**95%**	**80%**	Đạt
- Tỷ lệ % HS TN THCS (2 hệ) năm học (vừa qua):	**421/421**	100	**90%**	**75%**	Đạt
- Tỷ lệ % thanh thiếu niên (15-18) tuổi TN.THCS (2 hệ):	**1590/1604**	99	**80%**	**70%**	Đạt
Đơn vị thuộc Vùng điều kiện kinh tế/ Kết quả đánh giá					Đạt

Hưng Phú, ngày tháng10 năm 2026

TM, ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Linh

Xã: Hưng Phú

Tỉnh: Hưng Yên

Mẫu: THCS-01-GV

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Thời điểm: tháng 10 năm 2026

TT	Trường	CBQL			Giáo viên																																			Nhân viên				
	Tên	Hạng trường	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo				Chuyên ngành đào tạo																				TPT.Đội	Chuẩn nghề nghiệp				Thư viện	Thiết bị - Thí nghiệm	Văn phòng	Kế toán	Y tế
											Trên ĐH	ĐH	CĐ	THSP	Toán	Ngữ văn	KHTN			KHXH		HĐGD			GDCD	Công nghệ	Tin học	Ngoại ngữ															
																	Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa	Nhạc	MT	TD				Anh	Nga	Pháp	Khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40		41
1	Trường THCS Hưng Phú	2	1	3	72	67	5	60	0	1,73	0	71	1	0	13	13	3	3	4	3	3	3	2	3	2	2	5	8	0	0	0	1	55	16	0	0	3	0	1	1	0
Cộng		**2**	**1**	**3**	**72**	**67**	**5**	**60**	**0**	**1,73**	**0**	**71**	**1**	**0**	**13**	**13**	**3**	**3**	**4**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**5**	**8**	**0**	**0**	**0**	**1**	**55**	**16**	**0**	**0**	**3**	**0**	**1**	**1**	**0**

Tiêu chí	SL	Tỷ lệ
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	**71**	99
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	**0**	0
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	**72**	100

Hưng Phú, ngày 01 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Linh

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

Xã: Hưng Phú
Tỉnh: Hưng Yên

THỐNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Thời điểm: tháng 10 năm 2026

Mẫu: THCS-01-CSVC

TT	Trường	Số Đ.Tr	Số lớp	Số phòng học				Phòng chức năng								Công trình vệ sinh				Sân chơi		Bãi tập	
				Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Tỉ lệ Ph/Lớp	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	Phòng họp	Thư viện	Phòng thí nghiệm		GV		HS		SL	DT	SL	DT
														SL	DT	SL	DT	SL	DT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	THCS Hưng Phú	3	41	41	0	0	1	1	3	3	3	3	3	2	200	4	55	4	100	3	10200	4	10400

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Linh

Hưng Phú, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HƯNG PHÚ TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Anh Tuấn

Xã: Hưng Phú
Tỉnh: Hưng Yên

THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Thời điểm: tháng10 năm 2026

Mẫu: THCS-01-TTN

Năm sinh			1	2015		2014		2013		2012		2011			2010			2009			2008			Tổng (15-18)
Độ tuổi			2	11		12		13		14		15			16			17			18			
Tổng số			3	443		455		495		573		437			378			411			390			1616
Nữ			4	229		207		219		266		190			181			211			188			770
Dân tộc			5	1		1		1		0		0			0			0			1			4
Khuyết tật	Tổng số		6	3		7		8		9		7			1						4			39
	Có khả năng HT		7	0				0				0												0
	Tiếp cận GD		8	3		7		8		9		7			1						4			39
Số phải phổ cập (PPC)			9	440		448		487		564		430			377			411			386			1604
			10	PT	TX	PT	TX	PT	TX	PT	TX	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	
Đã và đang học THCS	Lớp 6	Số PPC Tại chỗ	11	335		9																		
		Số PPC Đi học nơi khác	12	103																				
		Nơi khác đến	13	34																				
	Lớp 7	Số PPC Tại chỗ	14			357		8																
		Số PPC Đi học nơi khác	15			82																		
		Nơi khác đến	16			40		1																
	Lớp 8	Số PPC Tại chỗ	17					402		9		1												
		Số PPC Đi học nơi khác	18					76																
		Nơi khác đến	19					24																
	Lớp 9	Số PPC Tại chỗ	20							450		8			3			2						
		Số PPC Đi học nơi khác	21							105														
		Nơi khác đến	22							37														
	TNTHCS	Số PPC Tại chỗ	23									337			334			366			360			1397
		Số PPC Đi học nơi khác	24									84			40			43			26			193
		Nơi khác đến	25									34			4			0			2			40
Đã và đang học CT GDPT hoặc		Số PPC Tại chỗ	26									245	65	9	212	52	9	234	49	16	247	52	19	1209
		Số PPC Đi học nơi khác	27									85	13	2	54	4	9	48	8	14	37	8	4	286
		Nơi khác đến	28																					
Bỏ học và học khác		Số PPC Tại chỗ	29																					
		Số PPC Đi học nơi khác	30																					
		Nơi khác đến	31																					

Tiêu chí		
Bảo đảm tiêu chuẩn PCGDTH mức độ	3	
Bảo đảm tiêu chuẩn XMC mức độ	2	
	SL	TL
TTN 15-18 TNTHCS	1590	100
TTN 15-18 đã, đang học CT GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN	1495	94
TTN KT được tiếp cận GD	39	100
Tổng số học sinh	1939	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Linh

Hưng Phú, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HƯNG PHÚ T. VĨNH LONG

Nguyễn Anh Tuấn